

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/08/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+TD2+P11	7:25	11+11+0	0+0+0		4+5+0	0+0+0	chuyen 13 td2-p11
2		CTC1+RP2+RP3	7:25	1+12+8	0+0+0		0+13+9	0+0+0	chuyen 1 ctcl-rp2
3		P4+CTK3+VSP02	7:25	0+1+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 3 p4-ctk3
4		RP1	7:25	19	0		19	0	puma
5		BK4+TD2	9:25	14+8	0+0		3+19	0+0	
6		RC4+RP1	9:25	11+11	0+0		5+16	0+0	
7		RP3	9:25	19	0		19	0	puma
8		RCDM+RP3	9:25	10+12	0+0		7+15	0+0	
9		RC6+TD3+RC8	11:25	7+10+4	0+0+0		5+10+5	0+0+0	
10		VSP02+RP3	11:25	15+7	0+0		10+12	0+0	
11		P2+P3+TTC3	11:25	20+0+0	0+0+0		10+6+6	0+0+0	

TTDBSX

Bổ sung chuyến đến địa điểm khác

OK.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2024	TO: RP3 - TD2 - P11	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - THU	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG VAN PHO	RP3	36	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
2	DO QUANG TO	RP3	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	VO TAN CHAU	RP3	40	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ANH DONG	RP3	38-39	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
5	HA VAN NIN (HLO)	RP3	37	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN CONG MINH	RP3	51-52	2	20		86	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN QUY	RP3	47-48	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
8	DOAN NGOC THANH	RP3	45-46	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN KHAC HOANG	RP3	41-42	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LOI	RP3	49-50	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HIEU	RP3	43-44	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
12	VANEEV DMITRIY	TD2	39	1	10	40	100	KHOAN	Russian
13	NGUYEN MANH HOAN	TD2	41	1	2		59	KHOAN	Vietnamese
14	BUI HUU HONG	TD2	33	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	40	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THANH BINH	TD2	34	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
17	BUI TRUNG THO	TD2					69	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TUNG	TD2	38	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
19	DOAN MINH TIEN	TD2	42	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
20	QUACH VAN TOI	TD2	35	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
21	TRINH HONG SON	TD2	37	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM VAN THANG	TD2	36	1	5		83	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	11	18	156	806	0	4		CHUYEN 13 PAX TD2-P11
2	TD2	11	10	62	836	40	5	13	
3	P11	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	28	218	1.642	40	9		
WEIGHT KG				218	1.642	40			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2024	TO: CTC1 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG -	ETA: 09:25
VANG-1		TOAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUẤN VŨ	CTC1	65	1	12	45	63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BÀ LƯỢNG	RP2					70	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC TUẤN	RP2	57	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY HÙNG	RP2	62-63	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	BUI NGỌC LÂM	RP2	54	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MINH HIỆU	RP2	60	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	VÔ VĂN HÙNG	RP2	55-56	2	20	9	70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	RP2	58	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
9	KHUẤT QUANG KIẾN	RP2	61	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG HAO	RP2	64-65	2	8		87	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	RP2	59	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TUẤN LONG	RP2	52-53	2	6		60	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TIẾN DŨNG	RP2	51	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM MINH TOÀN	RP3	42-44	3	20		58	YTE	Vietnamese
15	CAO ĐỨC THANH	RP3	34	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH TÂN NGON	RP3	33	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	35	1	3	40	77	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	36	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	RP3	38-39	2	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	37	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	40-41	2	16		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	1	1	12	63	45	0+1		CHUYEN 1 PAX CTC1-RP2
2	RP2	12	15	84	853	9	13		
3	RP3	8	12	73	571	40	9		
TOTAL		21	28	169	1.487	94	22		
WEIGHT KG				169	1.487	94			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/08/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P4 - CTK3 - VSP02	CREW: LINH - N.CƯỜNG - DTÙNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN XUAN PHUC	CTK3					67	SANBAY	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DỰ	VSP02	59	1	5		73	YTE	Vietnamese
3	ĐOÀN MẠNH GIỚI	VSP02	43	1	7	20	73	MATESEC	Vietnamese
4	BUI DINH THINH	VSP02	42	1	10		59	MATESEC	Vietnamese
5	SERGIENKO S.E	VSP02	58	1	7		86	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN ĐỨC DUNG	VSP02	32	1	4		100	KH-THAC	Vietnamese
7	DUCHENKO ALEXEY	VSP02	56	1	4		135	KH-THAC	Russian
8	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	31	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	61	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ TRUNG DUNG	VSP02	55	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN KINH	VSP02	37	1	5	10	60	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	60	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH ANH BAO	VSP02	54	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM DUY QUANG (HLO)	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	33-34	2	23		86	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TUÂN DƯƠNG	VSP02	39-40	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	35	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ THAI SON	VSP02	36	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRỌNG TUÂN	VSP02	57	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	38	1	8		53	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	0	0	0	0	0	0	3	CHUYEN 3 PAX P4 - CTK3 INB CTK3 VE GHE PHU
2	CTK3	1	0	0	67	0	0		
3	VSP02	19	20	129	1.417	30	22		
TOTAL		20	20	129	1.484	30	22		
WEIGHT KG				129	1.484	30			

GRAND TOAL: 1.643 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/08/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 09:00
FLIGHT: CC	TO: CLO(+2H)	CREW: ATUÂN - NKHÁNH	ETA: 12:45
- QUA			

ROUTE: VT - CLO(+2H) - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1: VT - CLO								
1	QUACH VAN THAO	BS	Vietnamese	037077011255	33-34	0	0	70
2	TRUONG DUY VUONG	CONG AN	Vietnamese	038087025159		2	7	77
3	NGUYEN THI NGOC OHU	CONG AN	Vietnamese	072183001779		0	0	63
4	NGUYEN TRONG NGHIA	CONG AN	Vietnamese	077097004180		0	0	80
5	NGUYEN THANH HUYEN	CONG AN	Vietnamese	075186000306		0	0	60
6	NGUYEN VAN NHU	CONG AN	Vietnamese	042088022136		0	0	72
7	PHAM THI THANH TUYEN	VKIEM SOAT	Vietnamese	835/2022		0	0	65
8	DO NGOC CHAN	NGUOI NHA	Vietnamese	038065029134		0	0	71
9	NGUYEN NGOC HIEU	SU	Vietnamese	060095013779		0	0	67
10	PHAN QUOC TUAN	VSP	Vietnamese	079080004135		0	0	77
11	NGUYEN THANH HIEP	NGUOI NHA	Vietnamese	001078013012		0	0	71
12	DUONG THANH TUNG	VSP	Vietnamese	001064011713		0	0	70
	PAX OUT	12		PAX IN	12	WT:	2	7
TOTAL		12						843

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	VSP CANG	31	CLO	1	40
2	VSP BOX(DO CUNG)	32,35	CLO	2	9

REMARK : THAO 06 GHE CHO CANG VSP CHO THI THE

PAX.WEIGHT	843
BAG.WEIGHT	7
CARGO WEIGHT	49
TOTAL	899

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FINISHED: 08:40

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2024	TO: RP1	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:29
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HOÀI - MẠNH	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂM	RP1	91	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN ANH	RP1	90	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI NGỌC LONG	RP1	84	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ HỒNG TÍN	RP1	92-93	2	15		78	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC CHÂN	RP1	83	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH QUANG HOÀN	RP1	81	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	RP1	98	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VĂN LIÊN	RP1	600	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRI KHANH	RP1	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	82	1	3	30	66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	95	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP1	77	1	5	30	60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG (HLO)	RP1	85	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THIỆN THANH	RP1	86	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
15	TÀNG THANH DÂN	RP1	89	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	97	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN THANH	RP1	94	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	96	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HÙNG	RP1	87-88	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	19	21	103	1.347	60	19		
TOTAL		19	21	103	1.347	60	19		
WEIGHT KG				103	1.347	60			

GRAND TOAL: 1.510 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 1150 kg (linh)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2024	TO: BK4 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - THU	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THUAN	BK4	13-14	2	16		68	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN LE CHIEN	BK4	11	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN TRUNG	BK4	06-07	2	17		63	GPWS	Vietnamese
4	PHAM THANH LONG	BK4	15	1	9		60	GPWS	Vietnamese
5	TRUONG QUANG NAM	BK4	09-10	2	15		88	GPWS	Vietnamese
6	TRAN QUANG HAI	BK4	04-05	2	15		81	GPWS	Vietnamese
7	NGUYEN THANH NAM	BK4	08	1	8		96	GPWS	Vietnamese
8	TRINH HUU CAN	BK4	18	1	15		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUONG SINH	BK4	12	1	8		70	DVL	Vietnamese
10	TRAN VAN TUYET	BK4	26	1	13		77	DVL	Vietnamese
11	VU CHI THANH	BK4	28-29	2	19		72	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN MINH THAO	BK4	27	1	19		69	DVL	Vietnamese
13	DAO ANH HUYNH	BK4	16-17	2	17	30	65	DVL	Vietnamese
14	DOAN MINH HUONG	BK4	24-25	2	12		62	DVL	Vietnamese
15	VU MANH DUNG	BK4	03-04	2	10		75	PSV	Vietnamese
16	LE PHU	TD2	50	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
17	LE VIET CHIEN	TD2	48	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
18	VU VAN TRUNG	TD2	45-46	2	17		75	DVL	Vietnamese
19	DUONG THE DUC	TD2	51	1	13		79	DVL	Vietnamese
20	PHAM DUC CANH	TD2	49	1	4		63	PSV	Vietnamese
21	VU THANH NHAT	TD2	52	1	7		78	PSV	Vietnamese
22	HOANG DUY THACH	TD2	47	1	3		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	15	23	201	1.104	30	3		
2	TD2	7	8	57	507	0	19		
TOTAL		22	31	258	1.611	30	22		
WEIGHT KG				258	1.611	30			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/08/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	TO: RC4 - RP1	CREW: VIỆT - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 11:45
VANG - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH THI (HLO)	RC4	19	1	10		103	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ VĂN ĐÔNG	RC4	15-16	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG NHẬT THANH	RC4	20	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ HUY HOANG	RC4	21	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN DUY TIỀN	RC4	17-18	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN THAI BÌNH	RC4	25-26	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC HÙNG	RC4	22	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH CƯỜNG	RC4	27-28	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG NGỌC HOÀI	RC4	23-24	2	25	42	62	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN NGỌC TUẤN ANH	RC4	29-30	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TUẤN	RC4	14	1	10		83	DK9	Vietnamese
12	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	63	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TRỌNG HIỂU	RP1	68	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH SƠN	RP1	65	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM KHÁC ĐOÀN	RP1	64	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TUẤN	RP1	69-70	2	8		73	PSV	Vietnamese
17	LE MINH HOÀN	RP1	66	1	10		77	PSV	Vietnamese
18	TRẦN HIỆP	RP1	73	1	7		77	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY QUYỀN	RP1	71	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	67	1	5		68	PSV	Vietnamese
21	PHẠM ĐÌNH VĂN	RP1	72	1	4		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	11	17	161	837	42	5		
2	RP1	10	11	61	713	0	16		
TOTAL		21	28	222	1.550	42	21		
WEIGHT KG				222	1.550	42			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2024	TO: RP3	AIRCRAFT: 616	ETD: 09:49
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HOÀI - MẠNH	ETA: 11:41
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	04	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ QUANG HÙNG	RP3	09	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	10	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUÝ HAI	RP3					63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH HỘ (HLO)	RP3	15	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	16-17	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	11	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC KIỆM (HLO)	RP3	07	1	4		88	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH QUANG THANH (HLO)	RP3	12	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG HAI HÀ	RP3	14	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	13	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ THANH LÂM	RP3	08	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NAM TRUNG	RP3	01	1	3	80	60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	26	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH CÔNG NGHIỆP	RP3	05-06	2	9		67	KHI	Vietnamese
17	TRẦN HỮU ĐỨC	RP3	21	1	12		83	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN DŨNG	RP3	19-20	2	12		76	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN NHƯ THÀNH	RP3	02-03	2	12		76	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	22	129	1.324	80	19		
TOTAL		19	22	129	1.324	80	19		
WEIGHT KG				129	1.324	80			

GRAND TOAL: 1.533 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/08/2024	TO: RCDM - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LINH - N.CU'ONG -	ETA: 11:50
NAU-2		DTUNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU TOAN	RCDM	69	1	5	30	75	KH-THAC	Vietnamese
2	VO QUOC THONG	RCDM	72	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUAN TU	RCDM	71	1	9		88	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH MINH TRI	RCDM	70	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN TUAN ANH	RCDM	77-78	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN DUC BINH	RCDM	73-74	2	11		73	XAYLAP	Vietnamese
7	DAO AN TUAN	RCDM	75-76	2	15		51	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN DAT	RCDM	79-80	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
9	DANG THANG LONG	RCDM	81-82	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
10	LE TU KHA	RCDM	83-84	2	20	37	95	XAYLAP	Vietnamese
11	NGO VO BINH	RP3	60-61	2	12	20	67	KHI	Vietnamese
12	LE HUYNH PHUC	RP3	58-59	2	14		60	KHI	Vietnamese
13	TA PHI KHANH	RP3					74	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TUONG	RP3	62	1	5		75	KHI	Vietnamese
15	VO QUOC THANH	RP3	53	1	10	16	76	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI MANH HAI	RP3	65-66	2	17		50	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN BA DIEN	RP3	56	1	10	15	80	XAYLAP	Vietnamese
18	LE HONG DUONG	RP3	63-64	2	19		57	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN VY	RP3	69	1	5		67	PSV	Vietnamese
20	TRAN THANH HAI	RP3	55	1	4		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TRUNG (1966)	RP3	67	1	4		66	PSV	Vietnamese
22	PHAM NGOC CHI	RP3	68	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	10	16	124	722	67	7		
2	RP3	12	15	105	789	51	15		
TOTAL		22	31	229	1.511	118	22		
WEIGHT KG				229	1.511	118			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/08/2024	TO: RC6 - TD3 - RC8	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: HUNG - NPHU -	ETA: 14:00
XANH-3		QTRUONG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU QUANG TUYEN (HLO)	RC6	24	1	7	45	70	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI QUOC VIET	RC6					81	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU TIEN BINH	RC6	22-23	2	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LA	RC6					69	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN XUAN THANH	RC6	26	1	14		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC THUAN	RC6	27	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUNG (1975)	RC6	25	1	13		82	PSV	Vietnamese
8	CAO THANH HOP (HLO)	TD3	69-70	2	18		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HAN	TD3	74-75	2	9		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG DUNG	TD3	73	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUC NHAN	TD3	71	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG TRUNG HIEU	TD3	72	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ANH TUAN	TD3	76-77	2	18		73	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DINH DAI	TD3	66-67	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
15	IUKHIMCHUK	TD3	78	1	11		84	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN THANH LUAN	TD3	79	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN CAO MONG	TD3	68	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	HUYNH MINH SANG (HLO)	RC8	67	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC TU	RC8	68	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	LUONG TUAN ANH	RC8	65	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TAT TAM	RC8	66	1	4		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	7	6	49	502	45	5		
2	TD3	10	14	119	698	0	10		
3	RC8	4	4	24	288	0	5		
TOTAL		21	24	192	1.488	45	20		
WEIGHT KG				192	1.488	45			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP

< pax ăn trưa ok >



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/08/2024	TO: VSP02 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: VIỆT - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUAN TIEN	VSP02	50	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
2	HA MANH THANG	VSP02	53	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI HUY BINH	VSP02	47	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
4	TO VAN HUNG	VSP02	55	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH DUONG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ TÂN LINH	VSP02	52	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM HUU TRI	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN DAT	VSP02	49	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO QUỐC TRÌNH	VSP02	48	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG HOANG DAT	VSP02	45	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VIET QUANG	VSP02	51	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI NGUYEN QUANG	VSP02	57	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET NGOC	VSP02	56	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TIN	VSP02	54	1	7		60	PSV	Vietnamese
15	LE VIET QUOC HUY	RP3	83-84	2	19		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DUY CHINH	RP3	73	1	3		60	PSV	Vietnamese
17	HOANG MINH THIEN	RP3	75	1	5		77	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TRUONG	RP3	72	1	9		64	KHI	Vietnamese
19	LÊ CHI QUY	RP3	70-71	2	12	120	98	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THINH	RP3	76	1	9		82	KHI	Vietnamese
21	HỒ QUỐC NHẬT	RP3	74	1	6		72	KHI	Vietnamese
22	PHẠM HỒNG HÙNG	RP3	69	1	7		71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	14	12	78	970	0	10		
2	RP3	8	10	70	589	120	12		
TOTAL		22	22	148	1.559	120	22		
WEIGHT KG				148	1.559	120			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/08/2024	TO: P2 - P3 - TTC3	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: LINH - N.ANH - HIẾU	ETA: 14:10
VANG - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH ĐAC HUNG	P2	26-27	2	24		69	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG THIEN	P2	18-19	2	25		62	XAYLAP	Vietnamese
3	LE VAN HUNG	P2	16-17	2	22		67	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN HUY CUONG	P2	28-29	2	23		56	XAYLAP	Vietnamese
5	BIEN VAN THANH	P2	03	1	15		82	XAYLAP	Vietnamese
6	VAN TIEN DUAN	P2	22-23	2	23		69	XAYLAP	Vietnamese
7	TRINH VAN BAU	P2	06-07	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DINH KY	P2	10-11	2	22		62	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THUY	P2	15	1	22		69	XAYLAP	Vietnamese
10	VU VAN HAI	P2	13-14	2	15		79	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HAU	P2	08	1	13		75	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC DANH	P2	20-21	2	31		60	XAYLAP	Vietnamese
13	VO ANH TUAN	P2	30-31	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN NGOC	P2	34-35	2	27		54	XAYLAP	Vietnamese
15	PHUNG VAN THACH	P2	32-33	2	19		59	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN CHI THANH	P2	24-25	2	17		57	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN VAN DUONG	P2	12	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VIET TOAN	P2	04-05	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
19	LE VAN TINH	P2	01-02	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN HUU KHUYEN	P2	09	1	17		61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	35	401	1.316	0	10		
2	P3	0	0	0	0	0	6		
3	TTC3	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		20	35	401	1.316	0	22		
WEIGHT KG				401	1.316	0			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN